

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2021

(Dự thảo)



# NGHỊ QUYẾT

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021

### CÔNG TY CỔ PHẦN SEATECCO

Số: 01/2021/NQ-ĐH

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần SEATECCO đã được đại hội đồng cổ đông năm 2015 sửa đổi, thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015

- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ Phần SEATECCO năm 2021 ngày 15/04/2021.

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 01:** Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2020 (đã được kiểm toán) và phương hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 với các nội dung cụ thể như sau :

a. Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đvt : đồng

| TT | Nội dung                           | Số tiền | Ghi chú |
|----|------------------------------------|---------|---------|
| 1  | Doanh thu thực hiện                |         |         |
| 2  | Giá vốn                            |         |         |
| 3  | Lợi nhuận gộp                      |         |         |
| 4  | Doanh thu hoạt động tài chính      |         |         |
| 5  | Chi phí tài chính                  |         |         |
| 6  | Chi phí quản lý doanh nghiệp       |         |         |
| 7  | Lợi nhuận thuần từ kinh doanh      |         |         |
| 8  | Thu nhập khác                      |         |         |
| 9  | Chi phí khác                       |         |         |
| 10 | Lợi nhuận khác                     |         |         |
| 11 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  |         |         |
| 12 | Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp |         |         |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế                 |         |         |



b. Báo cáo tài chính năm 2020 : Số liệu báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 với chỉ tiêu tài chính cơ bản sau:

Đơn tính : đồng

| TT | Chỉ tiêu              | Số tiền | Ghi chú |
|----|-----------------------|---------|---------|
|    | <b>Tổng tài sản</b>   |         |         |
|    | Tài sản ngắn hạn      |         |         |
|    | Tài sản dài hạn       |         |         |
|    |                       |         |         |
|    | <b>Tổng nguồn vốn</b> |         |         |
|    | Nợ phải trả           |         |         |
|    | Vốn chủ sở hữu        |         |         |

( Số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFA )

c. Kế hoạch SXKD năm 2021:

| TT | Nội dung           | Số tiền | Ghi chú |
|----|--------------------|---------|---------|
| 1  | Doanh thu          |         | đ       |
| 2  | Lợi nhuận sau thuế |         | đ       |
|    |                    |         |         |

Kết quả biểu quyết : + Đồng ý : phiếu ; Tỷ lệ : %  
+ không đồng ý : phiếu ; Tỷ lệ : %  
+ không có ý kiến : phiếu ; Tỷ lệ : %

**Điều 02 : Thông qua các báo của HĐQT và BKS đã trình bày và đã được bổ sung, thống nhất các nội dung tại Đại hội. Kết quả biểu quyết cụ thể :**

**- Báo cáo của HĐQT**

Kết quả biểu quyết : + Đồng ý : phiếu ; Tỷ lệ : %  
+ không đồng ý : phiếu ; Tỷ lệ : %  
+ không có ý kiến : phiếu ; Tỷ lệ : %

**- Báo cáo của BKS**

Kết quả biểu quyết : + Đồng ý : phiếu ; Tỷ lệ : %  
+ không đồng ý : phiếu ; Tỷ lệ : %  
+ không có ý kiến : phiếu ; Tỷ lệ : %



**Điều 03 : Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức thù lao HĐQT, BKS năm 2020 với số liệu cụ thể như sau :**

**a. Phương án phân phối lợi nhuận :**

Đơn vị tính : đồng

| TT         | Nội dung                                      | Số tiền ( đồng ) | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------------|------------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối</b> |                  |         |
| 1          | LNST các năm trước chuyển qua                 |                  |         |
| 2          | LNST năm 2019                                 |                  |         |
|            |                                               |                  |         |
| <b>II</b>  | <b>Kế hoạch phân phối LNST</b>                |                  |         |
| a          | Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm             |                  |         |
| b          | Quỹ phúc lợi, khen thưởng                     |                  |         |
|            |                                               |                  |         |
|            |                                               |                  |         |
| <b>III</b> | <b>Tổng lợi nhuận còn lại sau phân phối</b>   |                  |         |

**b. Mức thù lao HĐQT, BKS**

+ Thù lao HĐQT là 3% LNTT :

đồng,

+ Thù lao BKS là 1,5% LNTT :

đồng

Kết quả biểu quyết :

+ Đồng ý

:

phiếu ; Tỷ lệ : %

+ không đồng ý

:

phiếu ; Tỷ lệ : %

+ không có ý kiến

:

phiếu ; Tỷ lệ : %

**Điều 04 : Thông qua danh sách Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 đã được bầu tại Đại hội cổ đông 2021, cụ thể :**

**Hội đồng quản trị :**

Ông : .....

Ông : .....

Ông : .....

Ông : .....

Ông : .....

**Ban kiểm soát :**

Ông : .....

Ông : .....

Ông : .....



**Điều 05: Thông qua các nội dung theo tờ trình của HĐQT ngày 04 tháng 04 năm 2021 liên quan đến nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2020.**

|                      |                   |   |                 |   |
|----------------------|-------------------|---|-----------------|---|
| Kết quả biểu quyết : | + Đồng ý          | : | phiếu ; Tỷ lệ : | % |
|                      | + không đồng ý    | : | phiếu ; Tỷ lệ : | % |
|                      | + không có ý kiến | : | phiếu ; Tỷ lệ : | % |

**Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SEATECCO  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020  
CHỦ TỌA**